TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/KDTM-PT
Ngày: 17-4-2025
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vận chuyển"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân.

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Thu Thúy;

Ông Trương Vĩnh Hữu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 và ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp "Hợp đồng vận chuyển".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 735/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty CP G (Việt Nam);

Địa chỉ: Số C đường C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông LAURENCE CHEUNG – Chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty L2;

Địa chỉ: Phòng D số D B, đường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật:

Bà Trần Thị Xuân H - Chức vụ Giám đốc;

Bà Nguyễn Thị Thanh H1 - Chức vụ Phó Giám đốc;

Bà Nguyễn Thị Thanh H1 uỷ quyền lại cho ông Trần Tiến T và ông Triệu Văn H2 - Chức vụ Nhân viên công ty L2.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần L3;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim L - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền:

Ông Nguyễn Chí T1, sinh năm 1992;

Địa chỉ: P Tầng D, Số C L, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lê Tấn T2, sinh năm 2001;

Địa chỉ: P Tầng D, Số C L, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty CP G (Việt Nam) và bị đơn Công ty Cổ phần L3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện uỷ quyền của nguyên đơn là anh Trần Tiến T và anh Triệu Văn H2 trình bày:*

Ngày 05/7/2022, Công ty Cổ phần H3 (sau đây gọi tắt là " Hamona") nay là Công ty Cổ phần L3 có gửi Văn bản Yêu cầu đăng ký tín dụng đến Công ty Cổ phần G (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là "DGF Vietnam") đề nghị được cấp hạn mức tín dụng 418.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là 30 ngày tính từ ngày hoá đơn, lãi suất 20% năm đối với hoá đơn quá hạn thanh toán, đính kèm Điều khoản và điều kiện Hạn mức Tín Dụng theo mẫu. Mục đích của việc cấp hạn mức tín dụng để là DGF Vietnam cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hoá cho H3. Phí vận chuyển trả sau, thời hạn thanh toán là 30 ngày tính từ ngày hoá đơn, tổng số phí dịch vụ vận chuyển không vượt quá hạn mức tín dụng (418.000.000 đồng). H3 đã ký xác nhận việc chấp thuận các Điều khoản và Điều kiện hạn mức tín dụng tại Bút lục số 03-07 kèm theo Vi bằng số 66/2024/VB-TPLTĐ lập ngày 21/3/2024.

Qua trao đổi email giữa nhân viên của D và nhân viên của H3, hai bên đã đi đến thống nhất DGF Vietnam thực hiện vận chuyển 02 lô hàng hoá bằng đường hàng không từ Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đến Thành phố C-Oét, C-O (Kuwait), cụ thể như sau:

Lô hàng thứ nhất:

D gửi báo cáo mã số SPOT_SGN_24034 ngày 07/7/2022 đề xuất các chi phí vận chuyển đối với hàng hoá có khối lượng dự kiến là 3.150 kg, H3 đã xác nhận báo giá.

Thực tế, H3 xác nhận khối lượng hàng hoá thực tế là 3.250 kg và một số chi phí phát sinh, thay đổi liên quan.

DGF Vietnam xuất hoá đơn giá trị gia tăng số 66915 ngày 14/10/2022 và hoá đơn giá trị gia tăng số 68727 ngày 20/10/2022 cho toàn bộ chi phí liên quan đến vận chuyển lô hàng thứ nhất, Hamona không có thông báo khiếu nại đối với các hoá đơn này.

Lô hàng thứ hai:

DGF Vietnam gửi báo giá mã số SPOT_SGN_25518 ngày 15/9/2022 đề xuất các chi phí vận chuyển đối với hàng hoá có khối lượng dự kiến là 3.300 kg, H3 đã xác nhận báo giá.

Thực tế, H3 xác nhận khối lượng hàng hoá thực tế là 1.650 kg.

DGF Vietnam xuất hoá đơn giá trị gia tăng số 63632 ngày 03/10/2022 và hoá đơn giá trị gia tăng số 68200 ngày 18/10/2022 cho toàn bộ chi phí liên quan đến vận chuyển lô hàng thứ hai, H3 không có thông báo khiếu nại đối với các hoá đơn này.

Ngày 07/4/2023, sau khi các khoản phải thu quá hạn một thời gian đáng kể, DGF Vietnam đã gửi thư yêu cầu Hamona thanh toán 508.476.539 đồng là tổng chi phí liên quan đến hai lô hàng vận chuyển theo các hoá đơn giá trị gia tăng đã xuất.

Nay phía Công ty đề nghị Toà án buộc Công ty Cổ phần L3 thanh toán các khoản tiền, bao gồm: 508.476.539 đồng là tổng chi phí liên quan đến việc vận chuyển hai lô hàng; 54.000.000 đồng là chi phí luật sư và tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày 30/09/2024 là 192.371.948 đồng. Tổng số tiền yêu cầu công ty B thanh toán là 754.848.487 đồng.

** Tại phiên toà người đại diện uỷ quyền của bị đơn ông Nguyễn Hoàng L1 trình bày:*

Phía công ty Cổ phần L3 trước đây là công ty Cổ phần H3 không đồng ý toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của công ty Cổ phần G. Lý do phía công ty G đã không hoàn thành trách nhiệm bảo quản hàng hoá trên đường vận chuyển cụ thể là sản phẩm trái dừa cho đối tác ở C-O (Kuwait) làm hư hỏng dừa vì không đảm bảo nhiệt độ lạnh từ 02-08 độ C dẫn đến đối tác ở C-O (Kuwait) từ chối nhận sản phẩm, lẽ ra công ty G còn phải có trách nhiệm bồi thường hàng hoá cho công ty L3 nhưng công ty Cổ phần L3 không có yêu cầu phản tố trong vụ án này trong khi Công ty G lại làm đơn khởi kiện công ty Cổ phần L3 là hoàn toàn không đúng.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 233, 234, 235, 236, 237, 238, 292, 294, 297, 306, 317, 319 Luật thương mại 2005;

- Căn cứ Điều 530, 531, 532, 533, 534, 535, 536, 537, 539, 540 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần G (Việt Nam).

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần L3 có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty CP G (Việt Nam) số tiền 577.129.813 đồng. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 11/10/2024, bị đơn Công ty Cổ phần L3 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 14/10/2024, nguyên đơn Công ty Cổ phần G (Việt Nam) có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc phía bị đơn thanh toán cho nguyên đơn các khoản sau:

- Chi phí liên quan đến việc vận chuyển hai lô hàng là 508.476.539 đồng;

- Tiền lãi do chậm thanh toán chi phí vận chuyển tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2024) là 192.371.948 đồng;

- Chi phí luật sư là 86.400.000 đồng;

- Tiếp tục tính lãi chậm trả kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm với lãi xuất 20%/năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Nguyên đơn Công ty Cổ phần G (gọi tắc công ty G) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần L3 (gọi tắc Công ty L3) trả cho Công ty G chi phí vận chuyển hai lô hàng là 508.476.539 đồng; Tiền lãi do chậm thanh toán chi phí vận chuyển tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2024) là 192.371.948 đồng; Chi phí luật sư là 86.400.000 đồng; Tiếp tục tính lãi chậm trả kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm với lãi xuất 20%/năm.

- Người kháng cáo Công ty Cổ phần G (Việt Nam) và Công ty Cổ phần L3 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần L3. Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty cổ phần G, sửa một phần Bản án Kinh doanh – Thương mại sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo hướng: Buộc Công ty cổ phần L3 trả toàn bộ chi phí vận chuyển và lãi chậm trả theo Điều 306 Luật Thương mại cho Công ty cổ phần G; không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần G yêu cầu bồi thường chi phí luật sư (có bài phát biểu phân tích kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Công ty Cổ phần G (Việt Nam) yêu cầu Công ty Cổ phần L3 trả cho công ty G chi phí vận chuyển hai lô hàng là 508.476.539 đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh cùng chi phí luật sư nên xác định quan hệ tranh chấp trong hoạt động vận chuyển hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn Công ty Cổ phần G (Việt Nam) với bị đơn Công ty Cổ phần L3 là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần G (Việt Nam) và Công ty Cổ phần L3 là đúng quy định tại các điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần G (Việt Nam) và Công ty Cổ phần L3, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Theo yêu cầu đăng ký tín dụng ngày 05/7/2022 giữa Công ty CP G và Công ty Cổ phần L3 thoả thuận thực hiện việc vận chuyển 02 lô hàng trái cây là trái dừa từ Việt Nam sang C-Oét (Kuwait) và thực hiện yêu cầu đăng ký tín dụng cùng các điều khoản và hạn mức tín dụng kèm theo. Số tiền hạn mức tín dụng hai bên thống nhất là 418.000.000 đồng. Hiệu lực phát sinh từ ngày 05/7/2022 đến ngày 05/7/2023. Việc đăng ký tín dụng và nội dung thỏa thuận của hai bên trong đăng ký tín dụng thể hiện thực chất đây là một giao dịch phát

sinh trong hoạt động vận chuyển hàng hóa giữa hai bên công ty có tư cách pháp nhân. Không phải là hợp đồng cấp tín dụng.

- Sau khi thực hiện thỏa thuận vận chuyển, trên cơ sở khối lượng hàng hóa thực tế đã vận chuyển Công ty G đã xuất các hoá đơn số 63632 ngày 03/10/2022 số tiền 170.503.617 đồng, hoá đơn số 68200 ngày 18/10/2022 số tiền 13.432.500 đồng, hoá đơn số 66915 ngày 14/10/2022 số tiền 313.475.822 đồng, hoá đơn số 68727 ngày 20/10/2022 số tiền 11.064.600 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu thanh toán là 508.476.539 đồng. Sau khi nhận các hóa đơn này phía công ty L3 không có ý kiến phản đối.

- Lý do Công ty L3 không đồng ý thanh toán chi phí do vận chuyển cho công ty G là do quá trình vận chuyển công ty G không thực hiện đúng thỏa thuận bảo đảm nhiệt độ từ 02 đến 08 độ dẫn đến lô hàng bị hư nên phía đối tác bên kia không nhận hàng, gây thiệt hại cho Công ty L3. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 10/4/2025 đại diện Công ty L3 đã xác định những nội dung sau đây:

+ Ở cấp sơ thẩm phía Công ty L3 không có đơn phản tố yêu cầu Bồi thường thiệt hại do hàng hóa bị hư hỏng;

+ Theo thỏa thuận trong hợp đồng vận chuyển hai bên cũng không có thỏa thuận nếu trường hợp có thiệt hại hư hỏng hàng hóa xảy ra như trên thì bên Công ty L3 được miễn trừ nghĩa vụ thanh toán chi phí vận chuyển;

+ Chi phí vận chuyển được thanh toán theo thực tế khối lượng hàng hóa đã vận chuyển chứ không cố định theo đăng ký tín dụng ban đầu.

+ Hai bên có thỏa thuận lãi phạt do chậm trả là 20% năm và chi phí luật sư.

* Từ các căn cứ trên HĐXX nhận thấy Công ty G căn cứ khối lượng hàng hóa thực tế đã vận chuyển để xuất các hoá đơn nói trên và yêu cầu Công ty L3 thanh toán tổng số tiền 508.476.539 đồng là có căn cứ.

* Về lãi chậm trả: Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại: "Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác". Mức lãi chậm thanh toán hai bên thỏa thuận là 20%/năm không vượt quá quy định nên chấp nhận. Do đó số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 30/9/2024 là 192.371.948 đồng là có căn cứ. Việc yêu cầu tiếp tục tính lãi do chậm thanh toán tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm là hoàn toàn nằm trong thỏa thuận các bên nên chấp nhận.

* Đối với yêu cầu bồi thường chi phí luật sư: Hai bên có thỏa thuận về việc bên có lỗi phải chịu toàn bộ chi phí luật sư khi ra tòa. HĐXX nhận thấy pháp luật có quy định việc bồi hoàn chi phí luật sư nếu hai bên có thỏa thuận. Tuy nhiên mức chi phí phải trong phạm vi quy định của tổ chức hành nghề luật sư và theo quy định pháp luật. Hiện nay pháp luật chưa có quy định mức chi phí hợp

lý và trong hợp đồng vận chuyển hai bên không có thỏa thuận mức chi phí luật sư cụ thể là bao nhiêu nên không có căn cứ chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn. Hiện nay chỉ có quy định thù lao cho luật sư khi tham gia trợ giúp pháp lý được quy định tại Điều 13 Nghị định số 144/201/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ cụ thể là trường hợp luật sư tham gia trợ giúp pháp lý thì thù lao tùy vụ việc đơn giản, phức tạp nhưng mức cao nhất không quá 10 tháng lương cơ sở trên 01 vụ việc là 23.400.000 đồng. Do giữa hai công ty có thỏa thuận chi phí luật sư và thực tế Công ty G có thuê luật sư tư vấn. Do đó HĐXX áp dụng tương tự pháp luật trong trường hợp này để đảm bảo quyền lợi các bên. Chấp nhận mức chi phí luật sư là 23.400.000 đồng.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty L3. Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty G như đã phân tích ở trên.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ một phần nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Công ty Cổ phần G (Việt Nam) không phải chịu án phí phúc thẩm, Công ty Cổ phần L3 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 530, Điều 536, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ các điều 233, 234, 235, 236, 237, 238, 292, 294, 297, 306, 317, 319 Luật thương mại 2005;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần L3. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần G (Việt Nam), sửa một phần bản án Kinh doanh – Thương mại sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần G (Việt Nam).

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần L3 có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần G (Việt Nam) số tiền 700.848.400 đồng. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty Cổ phần L3 còn phải tiếp tục chịu lãi chậm trả theo thỏa thuận là 20%/năm trên số tiền gốc 508.476.539 đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2024 cho đến khi thi hành án xong.

- Buộc bị đơn Công ty Cổ phần L3 có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần G (Việt Nam) chi phí luật sư là 23.400.000 đồng.

Thời hạn khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền về chi phí tố tụng phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí phúc thẩm:

- Công ty Cổ phần L3 phải chịu 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ vào 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0011961 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, Công ty Cổ phần L3 đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- Công ty Cổ phần G (Việt Nam) không chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại Công ty Cổ phần G (Việt Nam) 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0011930 ngày 14/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3.2. Án phí sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần L3 phải nộp 32.033.000 đồng án phí sơ thẩm.

- Công ty Cổ phần G (Việt Nam) phải chịu 3.150.000 đồng án phí sơ thẩm. Trừ vào 15.064.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0010699 ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C nên được hoàn lại 11.914.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Vân